

Số: 168/2019/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 14 tháng 8 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non,
giáo dục phổ thông công lập năm học 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 10 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009; Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Xét Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:_____

Điều 1. Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

a) Khu vực 1: Thành phố Hòa Bình và huyện Lương Sơn mức thu học phí.

Cấp học		Khu vực	Mức thu học phí (Đồng/tháng/học sinh)
Mầm non	Nhà trẻ	Các phường thuộc thành phố Hòa Bình và thị trấn Lương Sơn	59.000
	Mẫu giáo	Các phường thuộc thành phố Hòa Bình và thị trấn Lương Sơn	58.000
	Nhà trẻ	Các xã thuộc thành phố Hòa Bình	55.000
	Mẫu giáo	Các xã thuộc thành phố Hòa Bình	54.000
	Nhà trẻ	Các xã thuộc huyện Lương Sơn	51.000
	Mẫu giáo	Các xã thuộc huyện Lương Sơn	49.000
Trung học cơ sở (bao gồm cả bổ túc Trung học cơ sở)		Các phường thuộc thành phố Hòa Bình và thị trấn Lương Sơn	55.000
		Các xã thuộc thành phố Hòa Bình	54.000
		Các xã thuộc huyện Lương Sơn	51.000
Trung học phổ thông (bao gồm cả Giáo dục thường xuyên)		Các phường thuộc thành phố Hòa Bình và thị trấn Lương Sơn	59.000
		Các xã thuộc thành phố Hòa Bình	58.000
		Các xã thuộc huyện Lương Sơn	55.000
Mầm non; THCS (bao gồm cả bổ túc THCS); THPT (bao gồm cả bổ túc THPT)		Các xã thuộc vùng có điều kiện khó khăn của huyện Lương Sơn theo quy định của nhà nước	35.000

b) Khu vực 2: Huyện Kỳ Sơn, huyện Cao Phong, huyện Tân Lạc, huyện Yên Thủy và huyện Lạc Thủy mức thu học phí.

Cấp học		Khu vực	Mức thu học phí (Đồng/tháng/học sinh)
Mầm non	Nhà trẻ	Thị trấn	50.000
	Mẫu giáo	Thị trấn	47.000
	Nhà trẻ	Các xã	43.000
	Mẫu giáo	Các xã	39.000
Trung học cơ sở (bao gồm cả bổ túc Trung học cơ sở)		Thị trấn	47.000
		Các xã	42.000
Trung học phổ thông (bao gồm cả Giáo dục thường xuyên)		Thị trấn	47.000
		Các xã	42.000

c) Khu vực 3: Huyện Lạc Sơn, huyện Kim Bôi, huyện Mai Châu và huyện Đà Bắc mức thu học phí.

Cấp học		Khu vực	Mức thu học phí (Đồng/tháng/học sinh)
Mầm non	Nhà trẻ	Thị trấn	41.000
	Mẫu giáo	Thị trấn	38.000
	Nhà trẻ	Các xã	34.000
	Mẫu giáo	Các xã	33.000
Trung học cơ sở (bao gồm cả bổ túc Trung học cơ sở)		Thị trấn	38.000
		Các xã	34.000
Trung học phổ thông (bao gồm cả Giáo dục thường xuyên)		Thị trấn	41.000
		Các xã	38.000

Điều 2. Bãi bỏ khoản 2 Điều 4 Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh, ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVI, Kỳ họp thứ 10 (Kỳ họp bất thường) thông qua ngày 14 tháng 8 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2019. ✓

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: GD&ĐT; Tài chính; Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh (CT, các PCT);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- Lưu: VT, TH (Tu,C).



Trần Đăng Ninh